

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 -2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Khánh;

2. Bà Phạm Thị Bông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Sỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh ngày 16/5/1996;

Địa chỉ: thôn H xã N, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Số căn cước công dân: 030196014481, cấp ngày 09/5/2021.

- Bị đơn: Anh **Đào Văn H**, sinh ngày 02/6/1992;

Địa chỉ: thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng; (địa chỉ cũ: thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Số căn cước công dân: 030092011415, cấp ngày 28/6/2021.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đào Thị H1, sinh ngày 1958; Địa chỉ: thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương).

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1959: thôn H xã N, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương).

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H, bà H1, bà T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Đào Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã V, thành phố Hải Phòng) vào ngày 25/01/2018 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới để thuận tiện cho công việc làm ăn vợ chồng về sinh sống tại thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, anh H thường xuyên đi uống rượu, tụ tập bạn bè về đến nhà lúc nào cũng trong trạng thái say xỉn, chị khuyên bảo nhiều lần anh H không nghe mà còn gây sự, chửi bới xúc phạm khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt, mệt mỏi cho cả hai, ảnh hưởng đến việc học tập sinh hoạt của các con. Mặc dù được gia đình, vợ khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi, đi làm cũng không đóng góp kinh tế cho gia đình nuôi dạy các con, đời sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã nên anh H đã chuyển về nhà bố mẹ để ở thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng từ cuối năm 2022. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm anh H bỏ về nhà bố mẹ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân vợ chồng đều không liên lạc hay có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, bản thân anh H cũng chưa một lần sang thăm vợ con cũng như chu cấp bất kỳ một khoản tiền nào cho các con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đào Thị Huyền A, sinh ngày 26/01/2019; Đào Thu H2, sinh ngày 02/10/2021 và Đào Thu H3, sinh ngày 02/10/2021; hiện cả 03 con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị đến khi các con thành niên. Vì trên thực tế từ khi sinh các con đến nay vẫn do mình chị chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không có chu cấp hay trách nhiệm gì với các con, nhiều năm nay anh cũng không một lần hỏi thăm hay đến thăm gặp các con. Chị ở

cùng với mẹ đẻ là bà Phạm Thị T được bà hỗ trợ đưa đón, trông nom các con giúp chị hàng ngày, hơn nữa nhà mẹ đẻ rộng rãi, đảm bảo đầy đủ tiện nghi để chăm sóc các con phát triển tốt.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Đào Văn H đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh H (bà Đào Thị H1 là mẹ đẻ anh H) đều khẳng định: Tại thời điểm này anh Đào Văn H vẫn có đăng ký thường trú và cư trú tại thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng, đang đi làm công ty tại địa phương, sáng đi tối về ăn uống sinh hoạt tại nhà. Anh H biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án và giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị D thông qua việc bà H1 giao trực tiếp cho anh Thông báo thụ lý của Tòa án và giấy triệu tập nhưng anh đã trốn tránh, không chấp hành các quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình anh, Trụ sở Ủy ban nhân dân xã V và tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng theo quy định pháp luật. Tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh H và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại biên bản ghi lời khai bà Đào Thị H1 (là mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H và chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị sinh sống ở nhà mẹ đẻ chị D tại xã N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về lối sống, làm ăn kinh tế, đến cuối năm 2022 anh H đã chuyển về thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng ở cùng vợ chồng bà. Bà có hỏi lý do thì anh H nói không hợp nhau, có nhiều chuyện không hòa giải được; Bà cũng đã khuyên bảo các con nhưng không đạt được kết quả. Từ thời điểm đó đến nay giữa anh H và chị D cũng không liên lạc, anh H cũng không qua lại thăm vợ con. Khi trao đổi về việc chị D làm đơn xin ly hôn với anh, anh có nói với bà là việc ly hôn là ở chị D, tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, còn anh cũng không đến Tòa án để giải quyết.

Quan điểm của bà Phạm Thị T (là mẹ đẻ chị D) trình bày: Chị D và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (cũ). Sau khi kết hôn anh, chị cùng nhau sinh sống cùng với bà tại thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng. Trong cuộc sống chung giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu khó làm ăn còn hay đi tụ tập rượu chè, không quan tâm đến vợ con, giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau; bà cũng nhiều lần khuyên bảo anh không thay đổi. Từ cuối năm 2022 anh H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã V, thành phố Hải Phòng sống ly thân chị D. Từ khi anh H sống ly thân đến nay cũng không tìm đón chị D về đoàn tụ, cũng chưa một lần sang thăm gặp các con. nay chị D làm đơn xin ly hôn với anh H bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V và khu dân cư nơi anh H sinh sống cung cấp: Anh H và chị D kết hôn hợp pháp, anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Đào Văn H. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Đào Thị Huyền A, sinh ngày 26/01/2019; Đào Thu H2, sinh ngày 02/10/2021 và Đào Thu H3, sinh ngày 02/10/2021 đến khi các con thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Hải phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đào Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã V, thành phố Hải Phòng. Chị D có đơn khởi kiện anh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh Hải, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh H đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh H được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3]. Về nội dung vụ án.

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Đào Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (*Nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng*) vào năm 2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu khó lao động, mải chơi, rượu chè, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị D phù hợp với lời trình bày của bà H1, bà T và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau... Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Đào Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đào Thị Huyền A, sinh ngày 26/01/2019; Đào Thu H2, sinh ngày 02/10/2021 và Đào Thu H3, sinh ngày 02/10/2021, hiện đang ở cùng với chị D. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị D là chính đáng, chị có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở và thu nhập để nuôi con, hiện nay các con đang được học tập ổn định từ nhỏ và được mẹ đẻ là bà Phạm Thị T hỗ trợ về chỗ ở cũng như đưa đón, trông nom các con giúp chị, còn anh H từ trước đến nay không có đóng góp, trách nhiệm trong việc chăm sóc con, từ thời điểm ly thân đến nay là gần 03 năm anh cũng chưa có lần nào đến thăm gặp các con cũng như chu cấp khoản tiền nào cho các con chung. Nên cần giao các con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đối với việc chị D tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng hiện nay chị D có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con chung nên sự tự nguyện của chị phù hợp pháp luật. Do đó không buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D. Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D ly hôn anh Đào Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Đào Thị Huyền A, sinh ngày 26/01/2019; Đào Thu H2, sinh ngày 02/10/2021 và Đào Thu H3, sinh ngày 02/10/2021 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Hải phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003602 ngày 05/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13- Hải Phòng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh Hải vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã V, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Quý Long

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quý Long

